

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2OLV**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH01185**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Pháp luật**

Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011228	Phạm Văn Tòng	02/05/1988	8.5	9.6	9.8		9.6
2	2253801011229	Ngô Thị Cẩm Tú	01/01/1984	9	9.2	10.0		9.7
3	2253801011231	Đinh Tấn Thanh	23/03/1998	9.5	9.6	8.8		9.1
4	2253801011232	Nguyễn Ngọc Thành	19/02/1980	9	8.8	8.5		8.6
5	2253801011233	Châu Thị Mộng Thúy	17/05/1992	8.5	7.6	9.3		8.7
6	2253801011234	Phan Thị Thừa	10/07/1982	6.5	8.8	9.3		8.8
7	2253801011551	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	04/05/1979	6.5	8.4	9.5		8.8
8	2253801013393	Nguyễn Thị Mỹ Chi	05/07/1996	9.5	9.2	10.0		9.7
9	2253801013394	Nguyễn Văn Chiến	19/05/1993	7.5	8.4	10.0		9.2
10	2253801013395	Đoàn Thị Bé Chính	02/09/1983	9	9.2	10.0		9.7
11	2253801013397	Trịnh Thanh Hóa	31/01/1992	9	9.2	10.0		9.7
12	2253801013398	Lê Thị Huống	26/07/1984	9	9.6	10.0		9.8
13	2253801013399	Nguyễn Thị Diệu Hương	17/10/1990	8	9.2	10.0		9.5
14	2253801013400	Lê Hoàng Linh	19/12/1992	8.5	8.8	9.3		9.1
15	2253801013401	Lê Chí Thanh	29/07/1996	9	8.4	9.5		9.1
16	2253801013402	Nguyễn Nhật Thanh	20/08/1991	6	8.8	10.0		9.1

Châu Đốc, ngày 13 tháng 9 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Thị Lan Nhi